

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2343**/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày **13** tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang
bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển;

Căn cứ Quyết định số 1790/QĐ-BTNMT ngày 06/6/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Ban hành và công bố Danh mục các điểm có giá trị đặc trưng mực nước triều vùng ven biển và 10 đảo, cụm đảo lớn của Việt Nam; Bản đồ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm và đường ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách 3 hải lý vùng ven biển Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3561/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND Tỉnh phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ Quy hoạch thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 559/TTr-TNMT-BHĐ ngày 29/6/2020 về phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ninh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ninh gồm 22 khu vực, với tổng chiều dài 68,224km, cụ thể như sau:

TT	Ký hiệu	Xã/phường	Chiều dài bờ biển (km)
I	Thành Phố Móng Cái		

1	MC1	Phường Trà Cổ	2,440
2	MC2	Phường Trà Cổ	4,760
3	MC3	Xã Vĩnh Thục	1,822
4	MC4	Xã Vĩnh Thục	1,492
II	Huyện Hải Hà		
5	HH1	Xã Cái Chiên	0,562
6	HH2	Xã Quảng Phong	0,153
III	Huyện Tiên Yên		
7	TY1	Xã Đồng Rui	23,259
8	TY2	Xã Đông Hải	0,417
IV	Huyện Vân Đồn		
9	VĐ1	Xã Minh Châu	2,874
10	VĐ2	Xã Minh Châu	2,683
11	VĐ3	Xã Minh Châu	1,611
12	VĐ4	Xã Quan Lạn	7,654
V	Thành Phố Hạ Long		
13	HL1	Phường Hồng Hải, Phường Hồng Hà	3,228
14	HL2	Phường Bạch Đằng	0,853
15	HL3	Phường Bãi Cháy	0,989
16	HL4	Phường Bãi Cháy	2,341
VI	Huyện Cô Tô		
17	CT1	Thị trấn Cô Tô	2,207
18	CT2	Thị trấn Cô Tô	2,395
19	CT3	Xã Đồng Tiến	3,384
20	CT4	Xã Thanh Lân	1,371
21	CT5	Xã Đồng Tiến	1,445
22	CT6	Xã Thanh Lân	0,384

Nội dung chi tiết và Bản đồ của từng khu vực được ban hành kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc Hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giao thông vận tải, Văn hóa Thể Thao, Du lịch, Công thương; Trưởng ban: Ban quản lý Khu kinh tế; Ban quản lý khu kinh tế Vân Đồn, Ban quản lý vịnh Hạ Long; Giám đốc Vườn Quốc gia Bái Tử Long; Chủ tịch UBND các địa phương: Móng Cái, Hải Hà, Đầm Hà, Tiên Yên, Vân Đồn, Cẩm Phả, Hạ Long, Quảng Yên, Cô Tô và Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- CT, P1, P2, P3;
 - Như Điều 2 (thực hiện);
 - V0, V2, QH1, QLĐĐ1 -2;
 - Lưu: VT, QLĐĐ1.
- L07 bản- QĐ262.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



UBND Tỉnh Quảng Ninh
14/07/2020 14:02:38

Đặng Huy Hậu